TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 461/2022/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN HÔN NHÂN GIA ĐÌNH

Căn cứ vào các điều 48, 217, 218, 219 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm;

Xét thấy chị Phạm Thị V A và anh Nguyễn Văn T tự nguyện rút toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ giải quyết vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 407/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 về việc về việc tranh chấp ly hôn giữa:

- **Nguyên đơn**: **Chị Phạm Thị V A, sinh năm 1985;** Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: tổ dân phố 13 T M, phường P L, quận H Đ, Hà Nội.

- **Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1982;** Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: tổ dân phố 13 T M, phường P L, quận H Đ, Hà Nội.

2. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án: đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án Hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật. Về án phí: tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà chị Phạm Thị V A đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0010169 ngày 01/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hà Đông được trả lại chị V A.

3. Đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận: - Đương sự; - Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp; - Lưu hồ sơ vụ án.	**THẨM PHÁN** ***Nguyễn Thị Thanh Huyền***

*** Hai bên thỏa thuận:** Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Sông Hồng có trách nhiệm thanh toán số tiền 583.144.389 VNĐ (Năm trăm tám mươi ba triệu, một trăm bốn mươi bốn nghìn, ba trăm tám mươi chín đồng) cho Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Xây dựng Hợp Thành làm một lần, chậm nhất là ngày 31/7/2019.

Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Xây dựng Hợp Thành không yêu cầu Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Sông Hồng phải thanh toán lãi phát sinh kể từ ngày 05/5/2019 đến ngày 31/7/2019.

Trường hợp, đến ngày 31/7/2019 Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Sông Hồng thực hiện đúng cam kết trả nợ thì công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Xây dựng Hợp Thành miễn toàn bộ khoản lãi 72.689.389 VND cho Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Sông Hồng, nếu ngày 31/7/2019 Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Sông Hồng không thanh toán đúng cam kết thì Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Sông Hồng không được miễn số tiền lãi 72.689.389 VND và còn phải chịu lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày 01/8/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nợ gốc.

Về án phí: Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Xây dựng Hợp Thành và Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Sông Hồng, mỗi bên phải chịu 6.831.000VNĐ (Sáu triệu tám trăm ba mươi mốt nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Xây dựng Hợp Thành đã nộp 13.000.000VNĐ tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 000839 ngày 19/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa. Nay hoàn trả lại cho Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Xây dựng Hợp Thành số tiền 6.169.000VNĐ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đặng Thị Hường

Thẩm phán đã ký: Đặng Thị Hường

SAO Y BẢN CHÍNH

H N, Ngày 21 tháng 4 năm 2017

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA

Thẩm phán

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố H N).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂNQUẬN ĐỐNG ĐA

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông (Bà)……..

Thẩm phán (nếu Hội đồng xét xử gồm có 5 người): Ông (Bà)……..

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông (Bà).....

2. Ông (Bà).....

3. Ông (Bà).....

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số:…/../TLST-....(3) ngày…tháng… năm....

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:(4)

……

……

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:(5)

……

……

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(6)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 39-DS:

(1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố H N).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 56/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự

theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).

(6) Phần cuối cùng của Quyết định cần phải có đầy đủ chữ ký, họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử (Quyết định này phải lưu vào hồ sơ vụ án); Quyết định gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức khởi kiện và Viện kiểm sát cùng cấp thì cần ghi như sau:

Nơi nhận:
- Ghi theo quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 212 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA
THÀNH PHỐ H N

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 25 /2016/QĐST_KDTM

H N, ngày 28 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 212; Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 292, Khoản 1 Điều 317; Điều 319 Luật thương mại năm 2005.

Căn cứ Luật tổ chức tín dụng.

Căn cứ pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 19 tháng 12 năm 2016 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ Kinh doanh thương mại thụ lý số 64/2016/TLST-KDTM ngày 12/12/2016 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 19 tháng 12 năm 2016 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện. Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

***1.Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự*:**

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam.

Trụ sở: 191 Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, H N.
Đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Hùng Anh – Chủ tịch Hội đồng quản trị.
Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Lê Thị Hồng Gấm – Cán bộ xử lý nợ

Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn Carbone Việt Nam.
Trụ sở: Phòng 207 – khu tập thể Dầu khí, tổ 15, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, H N.
Đại diện theo pháp luật: Ông Dư Huy Minh – Giám đốc.
Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Dư Văn Hiền, sinh năm 1950
2. Bà Nguyễn Thị Yến, sinh năm 1947

Cùng cư trú tại: Phòng 207 – khu tập thể Dầu khí, tổ 15, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, H N.

3. Anh Dư Huy Minh, sinh năm 1977
4. Hà Thị Giang, sinh năm 1980
5. Cháu Dư Thiên Cầm, sinh năm 2005
6. Cháu Dư Thiên Thi, sinh năm 2007

Cùng cư trú tại: Tổ 19, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, H N (số mới là số 23, ngách 24/47 ngõ 81 Đường lạc Long Quân, tổ 13 phường Nghĩa Đô, quận cầu Giấy, H N).

Cháu Dư Thiên Cầm và cháu Dư Thiên Thi do chị Giang đại diện.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ngân hàng TMCP kỹ thương Việt Nam và Công ty TNHH Carbone Việt Nam cùng những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Dư Văn Hiền, bà Nguyễn Thị Yến, anh Dư Huy Minh, chị Hà Thị Giang, cháu Dư Thiên Cầm, cháu Dư Thiên Thi (cháu Cầm, cháu Thi do chị Giang đại diện) cùng thống nhất xác nhận: Công ty TNHH Carbone Việt Nam còn nợ Ngân hàng TMCP kỹ thương Việt Nam tổng số tiền nợ gốc theo 02 hợp đồng cung cấp hạn mức tín dụng số: 1564/HĐHMTD/TCB-TN ngày 13/10/2011 và hợp đồng hạn mức tín dụng số: 20158580/2014/THN ngà y 20/3/2014 số tiền gốc là 3.709.690.904 đồng(Ba tỷ bẩy trăm linh chín triệu sáu trăm chín mươi nghìn chín trăm linh bốn đồng), tổng lãi: 4.907.896.052đồng (Bốn tỷ chín trăm linh bẩy triệu tám trăm chín mươi sáu nghìn không trăm năm mươi hai đồng)(tạm tính đến ngày 05/10/2016). Tổng cả gốc và lãi: 8.617.586.956đồng(Tám tỷ sáu trăm mười bẩy triệu năm trăm tám mươi sáu nghìn chín trăm năm mươi sáu đồng).

Nay ngân hàng TMCP kỹ thương Việt Nam đồng ý miễn giảm cho Công ty TNHH Carbone Việt Nam số tiền lãi là 3.920.766.650đồng(Ba tỷ chín trăm hai mươi triệu bẩy trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm năm mươi đồng). Do vậy số tiền lãi Công ty TNHH Carbone Việt Nam còn phải trả Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt nam là: 987.129.402đồng(Chín trăm tám mươi bẩy triệu một trăm hai mươi chín nghìn bốn trăm linh hai đồng). Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam chỉ

đồng ý miễn số tiền lãi 3.920.766.650đồng(Ba tỷ chín trăm hai mươi triệu bẩy trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm năm mươi đồng) với điều kiện Công ty TNHH Carbone Việt Nam phải thanh toán trả nợ cho Ngân hàng kỹ thương theo đúng cam kết trả nợ mà hai bên đã thống nhất thỏa thuận dưới đây . Trường hợp Công ty TNHH Carbone Việt Nam vi phạm bất kỳ đợt thanh toán nào thì Ngân hàng kỹ thương sẽ không miễn giảm lãi cho Công ty TNHH Carbone Việt Nam.

Đối với số tiền gốc 3.709.690.904 đồng(Ba tỷ bẩy trăm linh chín triệu sáu trăm chín mươi nghìn chín trăm linh bốn đồng)chưa thanh toán được tính từ ngày 06/10/2016 Ngân hàng TMCP kỹ thương Việt Nam nhất trí áp dụng mức lãi suất là 10% /năm cho đến khi Công ty TNHH Carbone Việt Nam tất toán hết khoản nợ.

Ngân hàng TMCP kỹ thương Việt Nam và Công ty TNHH Carbone Việt Nam thống nhất phương án thanh toán sau:

Ngân hàng TMCP kỹ thương Việt Nam nhất trí cho Công ty TNHH Carbone Việt Nam trả nợ số tiền nợ gốc và lãi nói trên trong thời hạn 5 năm, kể từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2021. Cụ thể:

- Số tiền nợ gốc được trả trong thời hạn 3 năm (ba mươi sáu tháng tính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2019).Trả trong 12 quý, mỗi quý thanh toán số tiền là: 309.140.909 đồng(Ba trăm linh chín triệu một trăm bốn mươi nghìn chín trăm linh chín đồng) chậm nhất là vào ngày 25 của tháng cuối cùng trong quý.
- Số tiền nợ lãi và lãi phát sinh trên dư nợ gốc còn lại từ ngày 06/10/2016 đến khi tất toán khoản vay: Trả trong 24 tháng, từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2021, trả nợ trong 8 quý, mỗi quý thanh toán số tiền tối thiểu là: 123.391.175đồng (Một trăm hai mươi ba triệu ba trăm chín mươi mốt nghìn một trăm bẩy mươi lăm đồng). chậm nhất là vào ngày 25 của tháng cuối cùng trong quý.
- Trật tự thu nợ, thu nợ gốc trước, nợ lãi sau.

Trường hợp Công ty TNHH Carbone Việt Nam vi phạm lịch trả nợ, trả không đúng số tiền cam kết trả nợ, không đúng thời gian cam kết trả nợ thì Ngân hàng TMCP kỹ thương Việt Nam được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án thi hành toàn bộ khoản nợ gốc và nợ lãi chưa thanh toán và có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mại tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp 1304.1/HĐTC-BĐS/TCB-THN. Số công chứng: 4459.2011/HĐTC-TCB ngày 25/10/2011 là quyền và lợi ích phát sinh từ tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp đối với căn hộ 207-13-TT. Dầu Khí, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố H N, có diện tích 37,50m^2 nằm ở tầng 2 của khu tập thể 5 tầng, kết cấu nhà xây gạch-mái bằng, theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở Hồ sơ gốc số 10803 do UBND thành phố H N cấp ngày 03/07/1999. Đính chính chủ sở hữu nhà

ở và sử dụng đất ở ngày 23/10/2006 tại Sở tài nguyên Môi trường và nhà đất thành phố H N đứng tên Dư Văn Hiền và Nguyễn Thị Yến và tài sản bảo đảm tại Hợp đồng thế chấp số công chứng: 1192.2011/HĐTC ngày 10/06/2011 là quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số: 141(1P), tờ bản đồ số: 09, địa chỉ: tổ 19, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố H N, có diện tích: 64.1 m², sử dụng riêng: 64,1m^2, tài sản gắn liền với đất: Nhà xây gạch: 01 tầng, diện tích sử dụng 50.0m^2 , diện tích xây dựng: 50,0m^2, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AI 166605, MS: 10113014472-01, hồ sơ gốc số: 1421.QĐ-UBND.2009/1096 do Sở tài nguyên và Môi trường thành phố H N, TUQ, UBND thành phố H N cấp ngày 25/09/2009 cấp cho người sử dụng là Công ty TNHH Carbone Việt Nam.(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: số 0102025104 do Sở KH&ĐT Thành phố H N cấp) để thu hồi nợ.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH Carbone Việt Nam đối với Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty TNHH Carbone Việt Nam vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam.

- Án phí: Ngân hàng TMCP kỹ thương Việt Nam và công ty TNHH Carbone Việt Nam mỗi bên phải chịu 28.226.972đồng (Hai mươi tám triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn chín trăm bẩy mươi hai đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Ngân hàng TMCP kỹ thương Việt Nam đã nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số tiền là: 58.300.000đồng(Năm mươi tám triệu ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0004949 ngày 09/12/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa. Hoàn trả Ngân hàng TMCP kỹ thương Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 30.073.028đồng (Ba mươi triệu không trăm bẩy mươi ba nghìn không trăm hai mươi tám đồng). (Công ty TNHH Carbone Việt Nam chưa nộp án phí)

Ngoài ra các đương sự không còn yêu cầu nào khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA
Thẩm phán

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND quận Đống Đa.
- Lưu hồ sơ vụ án

Đặng Thị Hường